

CHẾ ĐỊNH TÀI SẢN HÔN NHÂN THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GỢI MỞ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN VƯƠNG THUY DƯƠNG*

Tóm tắt: Trong bối cảnh kinh tế tư nhân được xác định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về tài sản, đặc biệt là tài sản trong hôn nhân, trở nên cấp thiết. Thực tiễn cho thấy, nhiều doanh nghiệp gia đình gặp rủi ro khi phát sinh tranh chấp tài sản giữa vợ và chồng do thiếu quy định rõ ràng về xác lập, định đoạt và bảo vệ tài sản gắn với hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở phân tích những hạn chế của pháp luật Việt Nam hiện hành và tham chiếu kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia, bài viết đề xuất định hướng cải cách chế định tài sản hôn nhân nhằm bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững của khu vực kinh tế tư nhân.

Từ khóa: Tài sản; tài sản hôn nhân; kinh tế tư nhân; kinh nghiệm quốc tế

Ngày nhận bài: 16/8/2025; Biên tập xong: 30/11/2025; Duyệt đăng: 10/02/2026

MATRIMONIAL PROPERTY REGIMES UNDER THE LAWS OF SELECTED COUNTRIES AND IMPLICATIONS FOR THE DEVELOPMENT OF THE PRIVATE SECTOR IN VIETNAM

Abstract: In the context where the private sector is recognized as one of the key driving force of the socialist-oriented market economy, the improvement of property law, particularly matrimonial property, has become increasingly imperative. In practice, many family-owned businesses are exposed to legal and financial risks when disputes arise between spouses over property due to the absence of clear legal provisions on the establishment, disposition, and protection of assets associated with business activities. Based on an analysis of the limitations of current Vietnamese law and with reference to the legislative experiences of several jurisdictions, this article proposes orientations for reforming matrimonial property regimes in order to ensure the sustainable development of the private sector in Vietnam.

Keywords: Property; matrimonial property; private sector; international experience

Received: Aug 16, 2025; **Editing completed:** Nov 30, 2025; **Accepted for publication:** Feb 10, 2026

Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam hiện nay, một trong những yêu cầu đặt ra là cần hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ và bảo đảm quyền tài sản trong quan hệ hôn nhân, đặc biệt đối với trường hợp vợ chồng là chủ doanh nghiệp. Chế định tài sản của vợ chồng không chỉ điều chỉnh quan hệ nhân thân mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền sở hữu, nghĩa vụ tài sản và khả năng huy động, sử dụng tài sản cho hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện hành còn bộc lộ nhiều hạn chế trong việc bảo đảm tính minh bạch, ổn định và linh hoạt của chế độ tài sản hôn nhân - yếu tố then chốt tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho kinh tế tư nhân. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm lập

pháp của Trung Quốc và Pháp, bài viết đề xuất định hướng cải cách phù hợp với điều kiện Việt Nam.

1. Khái quát chung về chế độ tài sản vợ chồng đối với sự phát triển kinh tế tư nhân

Hôn nhân, được pháp luật thừa nhận, là tiền đề hình thành gia đình - tế bào của xã hội, thực hiện nhiều chức năng, trong đó có chức năng kinh tế. Quan hệ này được Luật Hôn nhân và Gia đình (HN&GD) năm 2014 xác định là nền tảng phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên. Dù tiếp cận theo lý thuyết nào, gia đình luôn mang chức năng kinh tế, gắn liền với cơ sở hình thành và vận hành chế độ tài sản vợ chồng (tài sản hôn nhân). Chế định tài sản trong hôn nhân thực chất là một

* Email: Nguyenvuongthuyduong@gmail.com

Thạc sĩ, Giảng viên khoa Pháp luật kinh tế - Quốc tế, Trường Đại học Kiểm sát

hình thái đặc thù của chế định tài sản dân sự, được đặt trong quan hệ hôn nhân - gia đình.

Về khái niệm, tài sản hôn nhân được hiểu là toàn bộ khối tài sản của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, bao gồm tài sản chung và tài sản riêng, được pháp luật HN&GD điều chỉnh. Đây là một chế định pháp lý đặc thù, thể hiện sự gắn kết giữa quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản, nhằm vừa bảo vệ lợi ích chung của gia đình, vừa bảo đảm quyền sở hữu độc lập của từng cá nhân. Theo Luật HN&GD năm 2014, chế độ tài sản vợ chồng được thiết lập theo hai phương diện: Chế độ tài sản theo luật định và chế độ tài sản theo thỏa thuận. Theo đó, tài sản hôn nhân gồm hai nhóm: (i) Tài sản chung bao gồm thu nhập từ lao động, sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và các tài sản khác do vợ chồng tạo lập hoặc thỏa thuận; (ii) Tài sản riêng là tài sản có trước hôn nhân, thừa kế, tặng cho riêng hoặc tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu. Ngoài ra, Điều 27, Điều 48 Luật HN&GD năm 2014 còn quy định chế độ tài sản theo thỏa thuận, cho phép vợ chồng tự do lựa chọn, xác định cơ chế quản lý và định đoạt tài sản thông qua hợp đồng tiền hôn nhân hoặc thỏa thuận trong thời kỳ hôn nhân.

Chế độ tài sản vợ chồng có tác động trực tiếp đến sự phát triển của kinh tế tư nhân ở nhiều khía cạnh tiêu biểu dưới các góc độ: (i) Trong giai đoạn hình thành doanh nghiệp, nguồn vốn khởi sự thường xuất phát từ tài sản cá nhân của các sáng lập viên. Nếu họ đã kết hôn, việc góp vốn và định đoạt tài sản phải tuân thủ các quy định về tài sản chung-riêng, từ đó ảnh hưởng đến tính hợp pháp của việc huy động và sử dụng vốn; (ii) Trong quá trình vận hành doanh nghiệp, tài sản hôn nhân còn là cơ sở pháp lý cho các giao dịch tín dụng, thế chấp, bảo đảm; (iii) Trong trường hợp ly hôn hoặc chấm dứt hôn nhân, việc phân chia tài sản chung theo quy định tại Điều 59 Luật HN&GD có thể tác động trực tiếp đến sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt

đối với mô hình kinh doanh gia đình hoặc doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhiều nghiên cứu trước đây khi phân tích yếu tố tác động đến kinh tế tư nhân thường tập trung ở bình diện vĩ mô như chính sách phát triển, cải cách hành chính, môi trường kinh doanh, như quan điểm “chính sách đối với kinh tế tư nhân, cải cách hành chính, thể chế kinh tế, chất lượng đội ngũ công chức và môi trường kinh doanh”¹ là những yếu tố tác động đến kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, ở góc độ vi mô, chế độ tài sản hôn nhân cũng là một nhân tố đáng chú ý. Mặc dù pháp nhân khi thành lập có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm bằng chính tài sản của mình theo Điều 84 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, nhưng nguồn vốn ban đầu phần lớn bắt nguồn từ tài sản cá nhân của các thành viên sáng lập. Trong trường hợp các thành viên này đã kết hôn hoặc ly hôn, việc góp vốn, sử dụng hoặc định đoạt tài sản phục vụ kinh doanh sẽ chịu sự điều chỉnh trực tiếp của các quy định pháp luật về tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng (Chương III Luật HN&GD năm 2014). Đây là yếu tố pháp lý quan trọng để xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tài sản của các chủ thể liên quan.

Có thể thấy, chế độ tài sản hôn nhân không chỉ là công cụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên trong quan hệ vợ chồng mà còn là tiền đề để hình thành và mở rộng các hoạt động kinh tế tư nhân. Ở chiều ngược lại, sự phát triển mạnh mẽ và đa dạng của khu vực kinh tế tư nhân cũng tác động đến cách thức vận dụng và điều chỉnh chế độ tài sản hôn nhân, nhất là trong các gia đình kinh doanh. Mối quan hệ này mang tính tương hỗ, phản ánh sự gắn kết giữa thiết chế gia đình với yêu cầu thể chế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

¹ Nguyễn, V. T. (2016). Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế tư nhân. *Tạp chí Cộng sản*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/42168/nhung-yeu-to-anh-huong-den-qua-trinh-phat-trien-kinh-te-tu-nhan.aspx> (Truy cập ngày 10/7/2025).

2. Quy định về chế định tài sản hôn nhân bảo đảm cho sự phát triển kinh tế tư nhân tại một số quốc gia trên thế giới

2.1. Trung Quốc

Chế độ hôn nhân ở Trung Quốc không chỉ chịu tác động của điều kiện kinh tế, chính trị mà còn bị chi phối bởi phong tục, đạo đức, tôn giáo và các chuẩn mực xã hội. Từ sau cải cách mở cửa, cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế thị trường, kinh tế cá thể và doanh nghiệp tư nhân, phạm vi và giá trị tài sản gia đình ngày càng mở rộng, kéo theo sự gia tăng tranh chấp và nhận thức mạnh mẽ hơn về quyền cá nhân. Trong bối cảnh đó, pháp luật Trung Quốc kết hợp chế độ tài sản theo luật định và chế độ tài sản theo thỏa thuận, bảo đảm phù hợp với thực tiễn lập pháp và sự gia tăng tài sản từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của một hoặc cả hai vợ chồng. Các quy định này được ghi nhận từ Điều 1061 đến Điều 1066 BLDS Trung Quốc năm 2025, điển hình:

Thứ nhất, nguyên tắc bình đẳng quyền tài sản của vợ, chồng được ghi nhận theo Điều 1062 BLDS Trung Quốc năm 2025 với quy định: “Tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân, bao gồm tiền lương, tiền thưởng, thu nhập từ sản xuất, kinh doanh, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ, thừa kế hoặc tặng cho (trừ trường hợp thuộc tài sản riêng), đều là tài sản chung của vợ chồng. Vợ chồng có quyền bình đẳng trong việc chiếm hữu, sử dụng, thu lợi và định đoạt tài sản chung”. Quy định này không chỉ bảo vệ nguyên tắc bình đẳng giới mà còn bảo đảm quyền tự chủ tài sản cho cả hai bên, tạo nền tảng pháp lý cho việc sử dụng tài sản chung vào hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, việc cho phép cá nhân duy trì tài sản riêng, bảo đảm sự độc lập tài chính cho phát triển kinh tế tư nhân không bị ràng buộc bởi quan hệ tài sản chung. Theo Điều 1063 BLDS Trung Quốc năm 2025, tài sản riêng của vợ hoặc chồng bao gồm: (i) Tài sản có trước hôn nhân; (ii) Tài sản được thừa kế hoặc tặng cho riêng; (iii) Tài sản bồi thường thiệt hại cá

nhân; và (iv) Các tài sản khác thuộc về một bên theo quy định pháp luật. Việc thừa nhận tài sản riêng có ý nghĩa đặc biệt đối với doanh nhân, bởi nó giúp hạn chế rủi ro ảnh hưởng đến toàn bộ khối tài sản gia đình khi hoạt động kinh doanh gặp thua lỗ hoặc phá sản.

Thứ ba, chế độ tài sản theo thỏa thuận được ghi nhận với giá trị pháp lý cao. Điều 1065 BLDS Trung Quốc năm 2025 cho phép vợ chồng thỏa thuận bằng văn bản về chế độ tài sản trước hoặc trong thời kỳ hôn nhân, bao gồm việc xác định tài sản chung, tài sản riêng, cũng như quyền quản lý và định đoạt tài sản. Thỏa thuận này có hiệu lực ưu tiên so với quy định mặc định của luật, phản ánh nguyên tắc tự chủ của các bên trong quan hệ tư nhân, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế về hợp đồng hôn nhân (hôn ước). Bên cạnh đó, để đáp ứng thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân, Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc đã ban hành các văn bản giải thích áp dụng. Ví dụ, “Giải thích áp dụng BLDS (Phần HN&GD)”² với quy định: (i) Nếu một bên vợ hoặc chồng chuyển nhượng vốn góp hình thành từ tài sản chung nhưng đứng tên cá nhân, thì giao dịch vẫn có hiệu lực đối với bên thứ ba, trừ trường hợp có chứng cứ chứng minh hành vi gian lận hoặc thông đồng gây thiệt hại (Điều 9); (ii) Trong trường hợp cả hai vợ chồng cùng là cổ đông nhưng không có thỏa thuận rõ ràng về quyền sở hữu cổ phần, khi ly hôn Tòa án sẽ xử lý trên cơ sở phân chia tài sản chung theo Điều 1087 BLDS Trung Quốc năm 2025, thay vì dựa vào đăng ký cổ đông (Điều 10). Những quy định này vừa bảo vệ an toàn pháp lý cho bên thứ ba, vừa hạn chế hành vi lợi dụng ranh giới mập mờ giữa tài sản riêng và tài sản chung để trốn tránh nghĩa vụ với chủ nợ.

Từ quy định này, có thể thấy chế định tài sản hôn nhân trong pháp luật Trung Quốc

² Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc (2025). Toàn văn “Diễn giải của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật HN&GD của BLDS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (II)”. *Trang thông tin của Tòa án nhân dân cấp cao tỉnh Hà Nam*. <https://www.hncourt.gov.cn/public/detail.php?id=199761> (Truy cập ngày 19/7/2025).

không chỉ giới hạn ở phạm vi bảo vệ quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng mà còn có ý nghĩa rộng lớn đối với sự vận hành của nền kinh tế. Việc xác định rõ ràng quyền quản lý, định đoạt và phân chia tài sản giúp nâng cao tính minh bạch, an toàn pháp lý trong giao dịch, đồng thời tạo cơ sở cho việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn gia đình trong kinh doanh. Như vậy, chế định tài sản hôn nhân vừa là công cụ điều chỉnh quan hệ tư nhân trong gia đình, vừa là cơ chế bảo đảm cho sự phát triển ổn định và bền vững của khu vực kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế Trung Quốc.

2.2. Cộng hòa Pháp

BLDS Pháp năm 1804 được chia thành ba quyển, trong đó Quyển III dành riêng Thiên V để quy định về kế ước hôn nhân và chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống này bao gồm hai loại chế độ: Chế độ tài sản pháp định và chế độ tài sản ước định. Một trong những quy định nổi bật của BLDS Pháp, có ý nghĩa bảo đảm sự minh bạch và an toàn pháp lý cho các giao dịch liên quan đến tài sản hôn nhân là về xác lập chế độ tài sản thỏa thuận. Điều 1394 quy định: “Tất cả hợp đồng hôn nhân phải được lập thành văn bản công chứng, với sự hiện diện và đồng ý của tất cả các bên hoặc người được ủy quyền của họ”. Khi ký kết, Công chứng viên phải cấp cho mỗi bên một giấy chứng nhận miễn phí, ghi rõ thông tin của Công chứng viên, họ tên và địa chỉ của đôi vợ chồng tương lai, ngày ký hợp đồng, đồng thời xác nhận rằng giấy chứng nhận này sẽ được nộp cho cơ quan hộ tịch trước khi đăng ký kết hôn. Nếu giấy chứng nhận kết hôn không thể hiện việc có hợp đồng hôn nhân, vợ chồng sẽ mặc nhiên bị coi là áp dụng chế độ tài sản luật định đối với bên thứ ba, trừ trường hợp họ chủ động thông báo về hợp đồng hôn nhân trong các giao dịch với bên thứ ba³.

³ Trần, T. L. (2019). Pháp luật của một số nước về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. *Tạp chí công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-cua-mot-so-nuoc-ve-chia-tai-san-chung-cua-vo-chong-trong-thoi-ky-hon-nhan-63451.htm> (Truy cập ngày 19/7/2025).

Có thể thấy, BLDS Pháp đặt ra yêu cầu rất chặt chẽ đối với việc xác lập chế độ tài sản hôn nhân theo thỏa thuận, nhằm bảo đảm người thứ ba có thể dễ dàng tiếp cận nội dung hợp đồng, từ đó các giao dịch giữa vợ chồng với bên thứ ba được thực hiện trên cơ sở thông tin rõ ràng, minh bạch. Hợp đồng hôn nhân chỉ phát sinh hiệu lực khi quan hệ hôn nhân được xác lập và tồn tại. Điều 1395 quy định: “Hợp đồng hôn nhân phải được lập trước khi kết hôn và chỉ có hiệu lực kể từ ngày kết hôn”.

Về chế độ tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân. Chế độ tài sản riêng thường được lựa chọn khi một bên tham gia hoạt động kinh doanh có mức độ rủi ro cao. Theo Điều 1536 BLDS Pháp, nếu vợ chồng thỏa thuận áp dụng chế độ này trong hợp đồng hôn nhân, mỗi bên giữ quyền quản lý, hưởng dụng và định đoạt tài sản riêng của mình, đồng thời tự chịu trách nhiệm về các khoản nợ phát sinh trước hoặc trong hôn nhân, trừ trường hợp đặc biệt được quy định tại Điều 220. Với cơ chế này, các khoản nợ do một bên tạo ra được coi là nợ riêng, không ràng buộc trách nhiệm của bên còn lại. Đây là lựa chọn phổ biến đối với các cặp vợ chồng có hoạt động đầu tư, kinh doanh, bởi nó bảo vệ bên không trực tiếp kinh doanh khỏi rủi ro tài chính do đối phương gây ra. Đặc biệt, trong trường hợp một bên bị tuyên bố phá sản, chế độ tài sản riêng bảo đảm phần tài sản của bên kia không bị ảnh hưởng, góp phần duy trì ổn định đời sống gia đình.

Về mô hình quan hệ tài sản chia sẻ khối tài sản tạo ra trong thời kỳ hôn nhân. Theo Điều 1569 BLDS Pháp, khi vợ chồng áp dụng chế độ này, mỗi bên vẫn giữ quyền quản lý, hưởng dụng và định đoạt tài sản riêng của mình, không phân biệt tài sản có trước hay sau hôn nhân. Trong thời kỳ hôn nhân, cơ chế này vận hành như chế độ tài sản riêng; tuy nhiên, khi chấm dứt quan hệ tài sản, mỗi bên được hưởng một nửa giá trị phần tài sản chênh lệch so với tài sản ban đầu. “Tài sản ban đầu” (Điều 1575) là khối tài sản thuộc

sở hữu của mỗi bên tại thời điểm kết hôn và phải được lập văn bản xác nhận, có chữ ký của người còn lại. Nếu giá trị tài sản hiện có thấp hơn giá trị ban đầu do lỗi của một bên, bên đó tự chịu phần thiếu, bên kia không phải chia sẻ.

Về chấm dứt tài sản chung của vợ chồng. Theo Điều 1443 BLDS Pháp, tài sản chung chỉ được chia khi có căn cứ hợp pháp, như việc duy trì chế độ tài sản chung gây phương hại đến lợi ích của một bên do quản lý yếu kém hoặc thiếu đạo đức. Việc chia chỉ có giá trị pháp lý khi được Tòa án tuyên bố; mọi thỏa thuận tự phát đều vô hiệu. Chỉ vợ hoặc chồng mới có quyền yêu cầu chia, chủ nợ cá nhân không thể đơn phương khởi kiện để chia tài sản chung, nhưng có thể tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Điều 1445 quy định chặt chẽ thủ tục chia, bao gồm công bố bản án, ghi chú vào giấy đăng ký kết hôn hoặc khế ước hôn nhân, bảo đảm minh bạch và ngăn ngừa việc lợi dụng để trốn tránh nghĩa vụ dân sự hay gây rủi ro cho bên thứ ba.

Như vậy, kinh nghiệm pháp luật của Pháp trong chế định tài sản hôn nhân là: (i) Đa dạng hóa chế độ tài sản vợ chồng để thích ứng với rủi ro kinh doanh; (ii) Quy định quy trình chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân một cách chặt chẽ; (iii) Yêu cầu ghi chú bản án chia tài sản vào giấy tờ hôn nhân nhằm xác định rõ nguồn gốc tài sản, bảo đảm an toàn pháp lý cho vợ chồng và bên thứ ba.

3. Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện chế định tài sản vợ chồng bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh kinh tế tư nhân tại Việt Nam

3.1. Thực trạng chế định tài sản vợ chồng bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh kinh tế tư nhân tại Việt Nam

Chế định tài sản hôn nhân trong pháp luật Việt Nam được đề cập tại nhiều văn bản pháp lý, từ Hiến pháp năm 2013, BLDS năm 2015 đến Luật HN&GD năm 2014. Tuy nhiên, chế định này được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật

HN&GD năm 2014, với ba trụ cột: (i) Xác lập và quản lý tài sản chung; (ii) Xác định tài sản riêng; (iii) Phân chia tài sản. Quy định này vừa bảo vệ quyền lợi của vợ chồng, vừa tạo cơ sở pháp lý cho giao dịch tài sản, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế tư nhân phát triển.

Về tài sản chung, khoản 1 Điều 33 xác định gồm: Tài sản do vợ chồng tạo ra; thu nhập từ lao động, sản xuất – kinh doanh; hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng; thừa kế, tặng cho chung; quyền sử dụng đất có sau kết hôn (trừ trường hợp là tài sản riêng). Hình thức sở hữu chung được củng cố bởi quy định phải ghi tên cả hai vợ chồng trong giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, tạo tính minh bạch và tăng độ tin cậy trong giao dịch kinh tế.

Về tài sản riêng, Điều 43 liệt kê các loại như tài sản có trước hôn nhân, được thừa kế/tặng cho riêng, tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu, hoặc tài sản chia riêng theo thỏa thuận. Quy định này bảo đảm quyền sở hữu độc lập, đặc biệt hữu ích cho doanh nhân, song ranh giới giữa tài sản chung và riêng trên thực tế vẫn còn mờ nhạt khi sử dụng vào mục đích chung mà không có thỏa thuận rõ ràng.

Về phân chia tài sản, Điều 38 cho phép chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; nếu không thỏa thuận được, Tòa án sẽ chia theo luật định, bảo đảm công bằng và quyền tiếp tục sản xuất – kinh doanh của mỗi bên. Cách tiếp cận này giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của ly hôn đối với hoạt động kinh tế tư nhân, tránh gián đoạn hoặc sụp đổ doanh nghiệp.

Tổng thể, chế định tài sản hôn nhân của Việt Nam hiện nay vừa mang tính bảo vệ, vừa tạo điều kiện khai thác hiệu quả tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần bảo đảm quyền sở hữu tư nhân và hỗ trợ sự phát triển ổn định, minh bạch của kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng vẫn cho thấy một số hạn chế đáng chú ý, làm giảm hiệu lực thực tế của chế định này trong việc thúc đẩy và bảo vệ hoạt động kinh tế của cá nhân và hộ gia đình, cụ thể như sau:

Thứ nhất, ranh giới giữa tài sản chung và tài sản riêng tuy được Luật HN&GD năm 2014 quy định nhưng áp dụng thực tế còn nhiều vướng mắc. Việc tài sản riêng được sử dụng chung, đầu tư vào hoạt động kinh doanh chung hoặc phát sinh lợi tức mà không có thỏa thuận rõ ràng thường dẫn đến tranh chấp, đặc biệt khi ly hôn hoặc định đoạt tài sản, gây rủi ro cho kinh doanh. Điển hình như vụ ly hôn giữa ông Đặng Lê Nguyên Vũ và bà Lê Hoàng Diệp Thảo, liên quan đến Tập đoàn Cà phê Trung Nguyên⁴. Tranh chấp tài sản không chỉ xoay quanh quyền sở hữu cá nhân và tài sản chung vợ chồng, mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến quyền quản lý, điều hành doanh nghiệp, tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thương hiệu trên thị trường. Từ đó cho thấy, sự thiếu minh bạch trong phân định tài sản hôn nhân không chỉ làm phát sinh tranh chấp pháp lý giữa vợ chồng mà còn gây bất ổn cho môi trường kinh doanh tư nhân.

Thứ hai, cơ chế đăng ký và công khai tài sản còn bất cập. Quy định ghi tên cả hai vợ chồng trên giấy chứng nhận (Điều 34 Luật HN&GD năm 2014; Điều 135 Luật Đất đai năm 2023) thiếu hệ thống tra cứu tập trung, minh bạch, khiến việc thực hiện giao dịch dân sự khó xác minh quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu đối với tài sản phục vụ sản xuất, kinh doanh, từ đó hạn chế khả năng tiếp cận vốn và tín dụng.

Thứ ba, pháp luật cho phép vợ chồng thỏa thuận chế độ tài sản (Điều 28, Điều 38, Điều 47 Luật HN&GD năm 2014) nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung, trình tự công nhận và xử lý tranh chấp. Điều này làm giảm giá trị pháp lý của hợp đồng tiền hôn nhân và khó bảo đảm việc tách biệt tài sản kinh doanh, dẫn tới nguy cơ bị Tòa án bác bỏ khi xảy ra tranh chấp.

⁴ Thanh P. (2024). Những vụ tranh chấp tài sản ly hôn của người nổi tiếng kéo dài cả thập kỷ. *Báo điện tử Vietnamnet*. <https://vietnamnet.vn/nhung-vu-tranh-chap-tai-san-ly-hon-cua-nguoi-noi-tieng-keo-dai-ca-thap-ky-2210876.html> (Truy cập ngày 20/8/2025).

3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào sự năng động của khu vực tư nhân, việc hoàn thiện khung pháp lý về tài sản hôn nhân trở thành yêu cầu cấp thiết để bảo đảm quyền sở hữu tư nhân, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và hỗ trợ cá nhân trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Trên cơ sở những hạn chế đã phân tích, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng tính minh bạch, giảm rủi ro pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của kinh tế tư nhân. Cụ thể:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về thỏa thuận chế độ tài sản vợ chồng, đặc biệt là hợp đồng tiền hôn nhân và thỏa thuận chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Mặc dù Luật HN&GD năm 2014 đã ghi nhận chế độ tài sản theo thỏa thuận (Điều 28, 38, 47), song vẫn thiếu các quy định chi tiết về hình thức, nội dung, thời điểm phát sinh hiệu lực và cơ chế công nhận tại Tòa án, dẫn đến việc nhiều thỏa thuận bị tuyên vô hiệu. Do đó, cần ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất về mẫu hợp đồng, trình tự công chứng, thủ tục đăng ký và lưu trữ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, khả năng thực thi và giá trị ràng buộc của các thỏa thuận này trong thực tiễn giao dịch.

Thứ hai, xác lập các tiêu chí pháp lý cụ thể để phân định rạch ròi giữa tài sản chung và tài sản riêng của vợ chồng, đặc biệt trong bối cảnh tài sản riêng được sử dụng vào hoạt động đầu tư, kinh doanh chung và phát sinh lợi tức trong thời kỳ hôn nhân. Việc thiếu cơ chế định giá, xác định phần đóng góp và xử lý tài sản hôn hợp đang tạo ra khoảng trống pháp lý, tiềm ẩn nguy cơ tranh chấp và ảnh hưởng đến quyền sở hữu hợp pháp của các chủ thể, nhất là những người trực tiếp điều hành hoặc đầu tư trong khuôn khổ hôn nhân.

Thứ ba, cải cách cơ chế đăng ký, xác minh và công khai thông tin về tài sản hôn nhân thông qua việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất và có khả năng truy cập đối với các chủ thể có quyền lợi liên quan.

Cơ chế này sẽ bảo đảm tính minh bạch, nâng cao độ an toàn pháp lý trong các giao dịch dân sự – thương mại, đồng thời hỗ trợ đáng kể cho hoạt động tín dụng, thế chấp và bảo đảm thương mại của khu vực kinh tế tư nhân.

Thứ tư, mở rộng quyền định đoạt độc lập của mỗi bên vợ hoặc chồng đối với tài sản riêng, đặc biệt là các tài sản phục vụ mục đích nghề nghiệp, sản xuất – kinh doanh. Việc trao quyền định đoạt đầy đủ cho cá nhân đối với tài sản hợp pháp của mình sẽ bảo đảm nguyên tắc tự chủ tài sản, giảm thiểu sự phụ thuộc vào ý chí của bên còn lại, qua đó duy trì tính liên tục và hiệu quả của hoạt động kinh tế tư nhân.

Thứ năm, đẩy mạnh hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của đội ngũ cán bộ thực thi, bao gồm thẩm phán, công chứng viên, luật sư và chấp hành viên. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các cặp vợ chồng chủ động xác lập thỏa thuận tài sản minh bạch, hợp pháp ngay từ giai đoạn tiền hôn nhân, qua đó phòng ngừa tranh chấp và tạo lập môi trường pháp lý an toàn, ổn định cho các hoạt động kinh tế của cá nhân và hộ gia đình.

Kết luận

Hoàn thiện chế định tài sản vợ chồng không chỉ là yêu cầu tất yếu của tiến trình cải cách pháp luật dân sự mà còn đóng vai trò như một động lực pháp lý then chốt trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế tư nhân, bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch tài sản và duy trì năng lực vận hành của nền kinh tế. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, một khung pháp luật linh hoạt, cho phép các bên lựa chọn chế độ tài sản hôn nhân phù hợp, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch và xác lập rõ ràng quyền tài sản giữa vợ và chồng là điều kiện tiên quyết để dung hòa lợi ích gia đình với yêu cầu của thị trường. Trên cơ sở đó, pháp luật Việt Nam cần được hoàn thiện theo hướng mở rộng quyền tự chủ tài sản của mỗi bên vợ, chồng; cụ thể hóa các quy định về hợp đồng tiền hôn nhân; tăng cường cơ chế đăng ký, công khai

thông tin về tài sản hôn nhân; qua đó hình thành nền tảng pháp lý vững chắc, tạo môi trường ổn định và bền vững cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế tư nhân.
2. Bùi, H. T. (2025). Kinh tế tư nhân tại Việt Nam nhìn từ góc độ chính sách. *Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng*, 278.
3. Chen, H. G. J. (2011). Xu hướng phát triển và nguyên nhân của chế độ tài sản hôn nhân Trung Quốc đương đại. *Trang thông tin của Tòa án nhân dân cấp cao tỉnh Giang Tô*. <http://www.jsfy.gov.cn/article/71308.html>.
4. Đoàn, T. N. H. (2018). Chế định tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*. <https://tapchitoaan.vn/che-dinh-tai-san-cua-vo-chong-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-hon-nhan-va-gia-dinh>.
5. Hồ, K. S. (2000). Hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình của nước ta. *Trang thông tin của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc*. http://www.npc.gov.cn/zgrdw npc/xinwen/2000-07/03/content_1459915.htm.
6. Ngô, T. L. & Nguyễn, T. H. (2024). Lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam – động lực quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Số đặc biệt tháng 12.
7. Nguyễn, T. N. (2015). Nghiên cứu về gia đình và các lý thuyết tiếp cận. *Tạp chí Khoa học xã hội*, 03(199).
8. Nguyễn, T. T. T. & Đinh, T. N. (2021). Giá trị hôn nhân và gia đình – góc nhìn của thế hệ trẻ Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, 02(31).
9. Nguyễn, V. T. (2016). Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế tư nhân. *Tạp chí Cộng sản*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/42168/nhung-yeu-to-anh-huong-den-qua-trinh-phat-trien-kinh-te-tu-nhan.aspx>.
10. Nguyễn, H. C. (2020). Thực tiễn công chứng văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ, chồng. *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*. <https://danchuphapluat.vn/thuc-tien-cong-chung-van-ban-xac-nhan-tai-san-rieng-cua-vo-chong-2067.html>.
11. Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc (2025). Toàn văn “Diễn giải của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật HN&GD của BLDS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (II)”. *Trang thông tin của Tòa án nhân dân cấp cao tỉnh Hà Nam*. <https://www.hncourt.gov.cn/public/detail.php?id=199761>.
12. Trần, B. N. A. (2017). Xã hội bắt đầu từ gia đình, *Tạp chí Cộng sản*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/45618/xa-hoi-bat-dau-tu-gia-dinh.aspx>.
13. Trần, T. L. (2019). Pháp luật của một số nước về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. *Tạp chí Công thương*. <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-cua-mot-so-nuoc-ve-chia-tai-san-chung-cua-vo-chong-trong-thoi-ky-hon-nhan-63451.htm>.
14. T. P. (2024). Những vụ tranh chấp tài sản ly hôn của người nổi tiếng kéo dài cả thập kỷ. *Báo điện tử Vietnamnet*. <https://vietnamnet.vn/nhung-vu-tranh-chap-tai-san-ly-hon-cua-nguoi-noi-tieng-keo-dai-ca-thap-ky-2210876.html>.